

ĐỀ ÁN NHÂN SỰ**Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng
tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng**

Căn cứ Quyết định số 341-QĐ/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về số lượng và việc phân bổ đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 23/7/2025 của Bộ Chính trị về tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Thông báo số 856-TB/BTCTW, ngày 25/7/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về số lượng, tiêu chuẩn và định hướng cơ cấu đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2020 - 2025, xây dựng Đề án nhân sự Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng như sau:

I. VỀ MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng là những đồng chí tiêu biểu của Đảng bộ tỉnh, có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức lối sống trong sáng, có năng lực thực tiễn, sáng tạo, đổi mới, có uy tín, có tinh thần đoàn kết, tiêu biểu về bản lĩnh, trí tuệ, gương mẫu, có khả năng lãnh hội và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội của cấp trên.

- Không giới thiệu và cơ cấu vào Đoàn đại biểu những đồng chí không gương mẫu thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc vi phạm những điều cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên không được làm, có biểu hiện cơ hội, cá nhân, gây mất đoàn kết nội bộ.

II. VỀ TIÊU CHUẨN**1. Về tiêu chuẩn chính trị**

- Có lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng; trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và mục tiêu quan điểm của Đảng; luôn đặt lợi ích của Đảng, Tổ quốc và Nhân dân lên trên hết, trước hết.

- Có ý thức tổ chức kỷ luật; chấp hành nghiêm các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Về đạo đức, lối sống

Có phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng; sống trung thực, khiêm tốn, giản dị; nói đi đôi với làm; không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực “*lợi ích nhóm*”; giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; có ý thức tổ chức kỷ luật cao, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ.

3. Về năng lực và uy tín

- Có uy tín cao, được cán bộ, đảng viên và Nhân dân tin tưởng, tín nhiệm; có trình độ, kiến thức, năng lực, tư duy đổi mới và phương pháp làm việc khoa học; có khả năng đóng góp cho sự thành công của Đại hội, phát hiện đề xuất những vấn đề đặt ra trong thực tiễn và tích cực tham gia đóng góp vào các Văn kiện, nghị quyết của Đại hội.

- Có khả năng tuyên truyền và tổ chức, triển khai thực hiện đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

4. Về sức khỏe: Đảm bảo sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Đại hội.

III. VỀ SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU

1. Về số lượng

Căn cứ Quyết định số 341-QĐ/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về số lượng và việc phân bổ đại biểu dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Thông báo số 856-TB/BTCTW, ngày 25/7/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về số lượng, tiêu chuẩn và định hướng cơ cấu đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Theo đó Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 được chỉ định **45** (*bốn mươi lăm*) đại biểu chính thức dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và **02** đại biểu đương nhiên. Về số lượng đại biểu dự khuyết để thay thế đại biểu chính thức khi cần thiết do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét, quyết định.

2. Về cơ cấu

2.1. Cơ cấu ngành, lĩnh vực:

- Định hướng cơ cấu như sau: (1) Đa số đại biểu là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh để nâng cao chất lượng thảo luận, phản biện, đóng góp ý kiến khi quyết định những chủ trương, chính sách lớn của Trung ương; có điều kiện lĩnh hội, cụ thể hóa và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng ở cơ quan Trung ương và địa phương; không cơ cấu các đồng chí đã nghỉ công tác. (2) Một số đại biểu công tác ở cấp xã, đại biểu là trí thức, cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. (3) Một số đại biểu trên lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyên đổi số, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. (4) Đại biểu dự Đại hội XIV của Đảng phải là đại

biểu chính thức của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Đại biểu đương nhiên: 02 đồng chí (01 đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và 01 đồng chí là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy).

- Đại biểu chỉ định chính thức: 45 đồng chí.

- Đại biểu dự khuyết: 05 đồng chí để thay thế đại biểu chính thức khi cần thiết.

2.2. Về cơ cấu đại biểu theo ngành, lĩnh vực như sau:

a) Đại biểu là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan Đảng: **13** đại biểu (*trong đó có 01 dự khuyết*).

- Thường trực Tỉnh ủy: 06 đại biểu là Phó Bí thư Tỉnh ủy (*trong đó: 03 đồng chí là Phó Bí thư - Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Bí thư - Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và 03 đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy*). Để bảo đảm nguyên tắc sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thông suốt, thường xuyên, kịp thời công việc của Tỉnh ủy trong suốt thời gian diễn ra Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ phân công 01 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được ủy quyền điều hành công việc của Tỉnh ủy.

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy: 06 đại biểu. Trong đó, có 04 đồng chí là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Trưởng ban: Tổ chức Tỉnh ủy, Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy và 01 đồng chí là TUV, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Nội chính Tỉnh ủy; có 01 đại biểu dự khuyết (*đồng chí TUV, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy*).

- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng: 01 đại biểu (*đồng chí TUV, Tổng Biên tập*).

b) Đại biểu là lãnh đạo, quản lý ở Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các sở ngành tỉnh: **11** đại biểu (*có 01 đại biểu dự khuyết*). Trong đó, đối với HĐND tỉnh và UBND tỉnh, bảo đảm phân công 01 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh và 01 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành công việc của HĐND tỉnh và UBND tỉnh trong thời gian Đoàn đại biểu của tỉnh đi dự Đại hội XIV của Đảng. Phân bổ cụ thể:

- Lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh: 01 đại biểu.

- Lãnh đạo HĐND tỉnh và Ban HĐND tỉnh: 03 đại biểu, gồm: 02 đồng chí là

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Phó Chủ tịch HĐND tỉnh và 01 đồng chí Lãnh đạo Ban của HĐND tỉnh (đồng chí Tỉnh ủy viên, Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh).

- Lãnh đạo UBND tỉnh (*các Phó Chủ tịch UBND tỉnh*): 02 đại biểu.

- Lãnh đạo các sở, ngành: 05 đại biểu, trong đó có 04 đại biểu chính thức (*gồm: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc - Tôn giáo, Giáo dục và Đào tạo*) và 01 đại biểu dự khuyết (*Sở Xây dựng*).

c) Đại biểu là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: **04** đại biểu (*có 01 đại biểu dự khuyết*). Trong đó, phân công 01 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh điều hành, giải quyết công việc của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh trong thời gian Đoàn Đại biểu tỉnh đi dự Đại hội XIV của Đảng. Phân bổ cụ thể:

- Đại biểu là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh: 01 đại biểu.

- Các đồng chí Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh là Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Bí thư Tỉnh đoàn: 02 đại biểu; 01 đại biểu dự khuyết là đồng chí Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh - Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh.

d) Đại biểu thuộc lực lượng vũ trang: **02** đại biểu, gồm các đồng chí Ủy viên ban Thường vụ Tỉnh ủy: Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

e) Đại biểu ngành dọc: **02** đại biểu, gồm các đồng chí Tỉnh ủy viên: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh và Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh.

f) Đại biểu công tác tại các xã, phường, đặc khu: **13** đại biểu (*trong đó có 02 dự khuyết*), gồm các đồng chí:

- Bí thư Đảng ủy Phường Xuân Hương - Đà Lạt (*Bí thư là Ủy viên BTVTU*).

- Bí thư Đảng ủy Phường Mũi Né (*Bí thư là Ủy viên BTVTU*).

- Bí thư Đảng ủy Phường Bắc Gia Nghĩa (*Bí thư là Ủy viên BTVTU*).

- Bí thư Đảng ủy Đặc khu Phú Quý (*Bí thư là TUV*).

- Bí thư Đảng ủy xã Đạ Huoai (*Bí thư là TUV*).

- Bí thư Đảng ủy xã Tuy Phong.

- Bí thư Đảng ủy xã Quảng Trục (*Bí thư là TUV, xã biên giới*).

- Bí thư Đảng ủy xã Thuận Hạnh (*Bí thư là TUV, người DTTS tại chỗ, xã biên giới*).

- Bí thư Đảng ủy xã Quảng Lập (*Bí thư là nữ, người DTTS*).
- Bí thư Đảng ủy xã Đam Rông 2 (*Bí thư là TUV, người DTTS, trẻ*).
- Bí thư Đảng ủy xã Đắc Sắk (*Bí thư là nữ, người DTTS*).
- Bí thư Đảng ủy xã Quảng Sơn (*Bí thư là TUV, đại biểu dự khuyết*).
- Bí thư Đảng ủy xã Hàm Liêm (*Bí thư là TUV, đại biểu dự khuyết*).

g) Đại biểu đại diện giới trí thức, nhà khoa học **03** đại biểu:

- 01 đồng chí Ủy viên Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội (Nhà khoa học lĩnh vực vật lý hạt nhân).
- Đồng chí Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Đà Lạt.
- 01 đồng chí là Phó hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh (trí thức, dân tộc thiểu số).

h) Đại biểu trẻ: 02 đồng chí (*dưới 30 tuổi*).

- Đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã, Bí thư Đoàn thanh niên phường Tiến Thành.
- Đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã, Bí thư Đoàn thanh niên phường Lang Biang.

2.3. Đại biểu phân theo địa bàn

- Xã, phường, đặc khu: 15/50 (chiếm 30%).
- Tỉnh: 35/50 (chiếm 70%).

2.4. Cơ cấu về độ tuổi, giới tính, dân tộc (Đại biểu chính thức: 45 đại biểu, đại biểu dự khuyết: 05 đại biểu).

- Đại biểu là cán bộ nữ: 11/50 đại biểu (chiếm 22%).
- Đại biểu là cán bộ người DTTS: 09/50 đại biểu (chiếm 18%).
- Đại biểu từ 30 tuổi trở xuống: 02/50 đại biểu (chiếm 4%)
- Đại biểu từ 31 - 40 tuổi: 03/50 đại biểu (chiếm 6%).
- Đại biểu từ 41 - 50 tuổi: 25/50 đại biểu (chiếm 50%).
- Đại biểu từ 51- 60 tuổi: 20/50 đại biểu (chiếm 40%).

Độ tuổi trung bình: **46,5** tuổi.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Giao Ban Thường vụ Tỉnh ủy chịu trách nhiệm toàn diện trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình chuẩn bị và tổ chức Đoàn đại biểu của Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; chỉ

đạo giải quyết kịp thời, dứt điểm các vấn đề nảy sinh, đảm bảo tiến độ và nguyên tắc đề ra.

3.2. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong việc triển khai Đề án, hướng dẫn, tổng hợp danh sách Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và lập hồ sơ trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phê duyệt và gửi Ban Tổ chức Trung ương theo quy định.

3.3. Giao Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy để thẩm tra, xác minh khi có dấu hiệu vi phạm hoặc đơn thư tố cáo đối với nhân sự được giới thiệu tham gia Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (nếu có). Đảm bảo nhân sự được giới thiệu đủ tiêu chuẩn, không vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3.4. Giao Văn phòng Tỉnh ủy

Tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác hậu cần, tài chính cho Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh tham dự Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí tổ chức Đoàn đại biểu theo đúng quy định.

Tham mưu sắp xếp phương tiện đi lại, nơi ăn nghỉ và các điều kiện vật chất cần thiết khác để Đoàn đại biểu tham gia Đại hội thuận lợi.

3.5. Giao Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Tham mưu, chỉ đạo công tác tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, cũng như kết quả của Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh đi dự đại hội toàn quốc.

Chỉ đạo các cơ quan báo chí địa phương đưa tin kịp thời, chính xác về hoạt động của Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

3.6. Giao Ban Thường vụ các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có đại biểu tham gia Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy trong việc cung cấp thông tin, hồ sơ, lý lịch, kê khai trung thực và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nhân sự được phân bổ tham gia Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh tham dự Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; theo dõi chặt chẽ đại biểu được giới thiệu tham gia Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV thuộc cơ quan, đơn vị mình cho đến khi kết thúc Đại hội; kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) các tình huống phát sinh liên quan đến nhân sự.

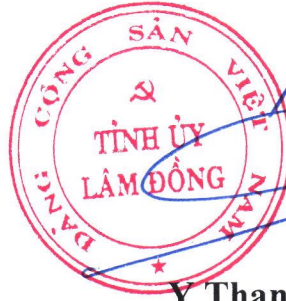
Trên đây là Đề án Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư,
- Ban Tổ chức Trung ương,
- Vụ Địa phương III, BTCTW,
- Vụ VII - UBKT Trung ương,
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

(b/c)

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Y Thanh Hà Niê Kdãm

DANH SÁCH
NHÂN SỰ THAM GIA ĐOÀN ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG LẦN THỨ I, NHIỆM KỶ 2025 - 2030
DỰ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG
(Kèm theo Đề án số 47-ĐA/TU, ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng)

TT	Họ và tên	Ngày sinh		Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán (xã, tỉnh)	Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Nghề nghiệp trước khi vào đảng	Ngày vào đảng		Danh hiệu được phong tặng (Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, nhà giáo nhân dân, thầy thuốc nhân dân, nghệ sỹ nhân dân)	Huân chương cao nhất	Trình độ					Ghi chú (Độ tuổi)
		Nam	Nữ						Ngày kết nạp vào đảng	Ngày chính thức			Giao dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Bồi dưỡng (hành chính nhà nước, quốc phòng an ninh, kinh tế, chuyên môn kỹ thuật)	Lý luận chính trị	Học hàm, học vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
I ĐẠI BIỂU CHÍNH THỨC																		
A Đại biểu đương nhiên Ủy viên Trung ương (chính thức, dự khuyết đang công tác tại Đảng bộ)																		
1	Y Thanh Hà Niê Kđăm	23/12/1973		Ê đê	Không	xã Quảng Phú, Đắk Lắk	Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn ĐBQH khóa XV đơn vị tỉnh Lâm Đồng.	Nhân viên hải quan	05/10/2000	05/10/2001		Huân Chương Lao động Hàng 3	12/12	- Thạc sĩ Quản lý công - Cử nhân Kinh tế - Cử nhân chính trị	- CVCC - QPAN: đối tượng 1	Cao cấp	Thạc sĩ	52
2	Nguyễn Hoài Anh	02/5/1977		Kinh	Không	Đà Nẵng	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.	Công chức	17/3/2003	17/3/2004			12/12	- Thạc sĩ Quản lý hành chính công - Kiến trúc sư - Cử nhân Anh văn	- CVCC - QPAN: đối tượng 1	Cao cấp	Thạc sĩ	48
B ĐẠI BIỂU CHỈ ĐỊNH																		
1	Trần Hồng Thái	04/8/1974		Kinh	Không	xã Trường Lưu, Hà Tĩnh	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh	Nghiên cứu viên	18/9/2007	18/9/2008	Chiến sỹ thi đua toàn quốc	Huân chương Lao động Hàng Nhì	12/12	- Giáo sư - Tiến sĩ chuyên ngành Khoa học trái đất và Toán học. - Thạc sĩ Kỹ thuật và công nghệ. - Cử nhân kỹ thuật và công nghệ.	- CVCC - QPAN: đối tượng 1	Cao cấp	Giáo sư, tiến sĩ	51
2	Hồ Văn Mười	10/8/1969		Kinh	Không	xã Thu Bồn, Đà Nẵng	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh	Sinh viên	28/12/1993	28/12/1994	Chiến sỹ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân	Huân chương Chiến công hạng Nhất	12/12	- Thạc sĩ Luật. - Cử nhân ngành trình sát. - Cử nhân Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước. - Đại học quản trị kinh doanh.	- CVCC - QPAN đối tượng 1	Cao cấp	Thạc sĩ	56
3	Phạm Thị Phúc		14/12/1977	Kinh	Không	xã Bình Sơn, Quảng Ngãi	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh	Công chức	31/12/2001	31/12/2002			12/12	- Thạc sĩ luật - Cử nhân Luật	- CVCC - QPAN đối tượng 1	Cao cấp	Thạc sĩ	48

4	Bùi Thăng	05/11/1968		Kinh	Không	xã An Phú, Quảng Ngãi	Phó Bí thư Tỉnh ủy	Công chức	03/02/1997	03/02/1998			12/12	- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. - Cử nhân Kinh tế. - Cử nhân Luật.	- CVCC - QPAN đối tượng 1	Cao cấp	Thạc sĩ	57
5	Đặng Hồng Sỹ	20/01/1976		Kinh	Không	xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Phó Bí thư Tỉnh ủy	Công chức	10/12/1999	10/12/2000		Huân chương Lao động hạng 3	12/12	- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. - Cử nhân Báo chí	- CVCC - QPAN đối tượng 1	Cao cấp	Thạc sĩ	49
6	Lưu Văn Trung	16/6/1974		Kinh	Không	xã Vũ Tiên, Hưng Yên	Phó Bí thư Tỉnh ủy	Công chức	03/02/2002	03/02/2003			12/12	- Thạc sĩ Nông nghiệp. - Kỹ sư quản lý đất đai.	- CVCC - QPAN đối tượng 1	Cao cấp	Thạc sĩ	51
7	Nguyễn Khắc Bình	27/10/1976		Kinh	Không	xã Đồng Xuân, Đắk Lắk	UVBTVTU, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy	Công chức	03/01/2003	03/01/2004			12/12	- Thạc sĩ Quản lý hành chính công. - Cử nhân sư phạm Toán. - Cử nhân Chính trị.	- CVCC - QPAN đối tượng 1	Cao cấp	Thạc sĩ	49
8	Võ Thanh Bình	20/6/1971		Kinh	Không	Xã Liên Hương, Lâm Đồng	UVBTVTU, Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Công chức	29/6/2001	29/6/2002			12/12	- Thạc sĩ kinh tế học. - Cử nhân Kinh tế	CVCC	Cao cấp	Thạc sĩ	54
9	Tôn Thiên Đồng	28/8/1977		Kinh	Không	Xã Kim Bảng, Nghệ An	UVBTVTU, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Công chức	08/10/2003	08/10/2004		Huân Chương lao động Hàng 3	12/12	- Thạc sĩ Kinh tế. - Cử nhân Quản trị kinh doanh	CVCC. - QPAN đối tượng 1	Cao cấp	Thạc sĩ	48
10	Nguyễn Văn Quang	05/5/1975		Kinh	Không	phường Tiến Thành, Lâm Đồng	UVBTVTU, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Công chức	07/9/2004	07/9/2005			12/12	- Kỹ sư Xây dựng. - Cử nhân Kinh tế.	- CVCC - QPAN đối tượng 2	Cao cấp	Cử nhân	50
11	Y Quang BKRông	18/10/1976		M'Nông	Không	xã Cư Jút, Lâm Đồng	UVBTVTU, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh	Sinh viên	19/3/2001	19/3/2002			12/12	- Thạc sĩ Chính sách công. - Cử nhân khoa học ngành Sư phạm ngữ văn.	- CVCC - QPAN đối tượng 1	Cao cấp	Thạc sĩ	49
12	K'Mák	20/9/1972		Mạ	Không	xã Phú Sơn Lâm Hà, Lâm Đồng	UVBTVTU, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh	Bộ đội	20/3/1992	20/3/1993			12/12	Cử nhân Quân sự	- CVCC - QPAN đối tượng 1	Cao cấp	Cử nhân	53
13	Lê Trọng Yên	20/11/1973		Kinh	Không	xã Khoái Châu, Hưng Yên	UVBTVTU, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Công chức	12/10/1998	12/10/1999			12/12	- Tiến sĩ Quản lý Đất đai. - Thạc sĩ Nông nghiệp. - Kỹ sư Quản lý đất đai. - Cử nhân Kế toán. - Cử nhân Ngôn ngữ Anh.	- CVCC - QPAN đối tượng 2	Cao cấp	Tiến sĩ	52

14	Trương Minh Dương	04/8/1976		Kinh	Không	phường Hòa Thành, Cà Mau	UVBTVTU, Giám đốc Công an tỉnh	Công an	21/12/2002	21/12/2003		Huân chương Chiến công hạng 3	12/12	- Thạc sĩ Quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự. - Cử nhân điều tra tội phạm xâm phạm ANQG. - Cử nhân Chính trị học. - Cử nhân Luật.		Cao cấp	Thạc sĩ	49
15	Đình Hồng Tiêng	08/02/1975		Kinh	Không	xã Núi Thành, Đà Nẵng	UVBTVTU, Chỉ huy trưởng BCHQS tỉnh	Bộ đội	27/01/1994	27/01/1995			12/12	- Đại học Quân sự (Chỉ huy - Tham mưu Quân sự huyện)	- QPAN đối tượng 1	Cao cấp	Đại học	50
16	Bùi Huy Thành	16/12/1972		Kinh	Không	xã Bắc Đông Quang, Hưng Yên	UVBTVTU, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo	Công chức	22/02/1995	22/02/1996			12/12	- Thạc sĩ Quản lý hành chính. - Cử nhân kinh tế.	- CVCC - QPAN đối tượng 1	Cao cấp	Thạc sĩ	53
17	Hà Thị Hạnh	31/5/1971		Thái	Không	xã Tân Phú, Nghệ An	UVBTVTU, Phó Chủ tịch UBNDTTQVT tỉnh	Giáo viên	10/12/2001	10/12/2002			12/12	- Thạc sĩ Chính sách công. - Cử nhân Sư phạm Vật lý.	- CVCC - QPAN đối tượng 1	Cao cấp	Thạc sĩ	54
18	Võ Phạm Xuân Lâm	20/10/1976		Kinh	Không	xã Mộ Đức, Quảng Ngãi	UVBTVTU, Bí thư Đảng ủy phường Bắc Gia Nghĩa	Công chức	19/01/2001	19/01/2002			12/12	- Thạc sĩ kinh doanh và quản lý. - Cử nhân Kinh tế.	- CVCC - QPAN: đối tượng 1	Cao cấp	Thạc sĩ	49
19	Đặng Đức Hiệp	01/5/1972		Kinh	Không	phường Bắc Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh	UVBTVTU, Bí thư Đảng ủy phường Xuân Hương - Đà Lạt	Công chức	11/7/1998	11/7/1999			12/12	- Thạc sĩ tài chính ngân hàng. - Cử nhân Kinh tế	CVCC	Cao cấp	Thạc sĩ	53
20	Phạm Văn Nam	26/5/1971		Kinh	Không	phường Bình Thuận, Lâm Đồng	UVBTVTU, Bí thư Đảng ủy phường Mũi Né	Viên chức	14/5/2000	14/5/2001			12/12	- Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí động lực. - Kỹ sư cơ khí	- CVCC - QPAN đối tượng 1	Cao cấp	Thạc sĩ	54
21	Nguyễn Hữu Thông	25/11/1981		Kinh	Không	phường Phú Thủy, Lâm Đồng	TUV, Phó Trưởng đoàn chuyên trách Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh.	Công chức	08/01/2009	08/01/2010			12/12	- Thạc sĩ Luật. - Cử nhân Luật.	- CVCC - QPAN đối tượng 1	Cao cấp	Thạc sĩ	44
22	Nguyễn Minh	23/3/1972		Kinh	Không	phường Trương Quang Trọng, Quảng Ngãi	TUV, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Bộ đội	19/5/1997	19/5/1998		Huân chương Chiến sỹ về vang Hạng 3	12/12	- Thạc sĩ Kinh tế. - Cử nhân Chính trị.	- CVCC - QPAN đối tượng 1	Cao cấp	Thạc sĩ	53
23	Cao Sơn Dũng	17/12/1974		Kinh	Không	Gia Lai	TUV, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Nội chính Tỉnh ủy	Công chức	07/09/2001	07/09/2002			12/12	- Thạc sỹ Quản lý Kinh tế - Kiến trúc sư - Kỹ sư Xây dựng - Cử nhân Luật	- CVCC - ANQP: đối tượng 2	Cao cấp	Thạc sĩ	51
24	Phạm Thị Tường Vân	06/11/1973		Kinh	Không	xã Vạn Tường, Quảng Ngãi	TUV, Trưởng Ban Kinh tế, ngân sách - HĐND tỉnh	Công chức	02/3/2000	02/3/2001			12/12	- Thạc sĩ tài chính ngân hàng. - Cử nhân Kinh tế	CVCC	Cao cấp	Thạc sĩ	52

25	Tôn Thiên San	02/12/1969		Kinh	Không	xã Kim Bàng, Nghệ An	TUV, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức	11/12/1997	11/12/1998			12/12	- Thạc sĩ Kinh tế. - Cử nhân Luật. - Cử nhân Chính trị.	- CVCC - ANQP: đối tượng 2	Cao cấp	Thạc sĩ	56
26	Lê Thị Bích Liên	25/5/1981		Kinh	Không	xã Hòa Thăng, Lâm Đồng	TUV, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giảng viên	30/9/2009	30/9/2010			12/12	- Thạc sĩ Sinh học. - Cử nhân sinh học	- CVCC - ANQP: đối tượng 2	Cao cấp	Thạc sĩ	44
27	Phan Thế Hanh	03/5/1980		Kinh	Kinh	xã Đại Đồng, Hà Tĩnh	TUV, Giám đốc Sở Tài chính	Công chức	04/6/2013	04/6/2014			12/12	Cử nhân Kinh tế tổng hợp	- CVCC - ANQP: đối tượng 3	Cao cấp	Cử nhân	45
28	Lê Huy Toàn	25/8/1975		Kinh	Không	xã Phan Ri Cửa, Lâm Đồng	TUV, Tổng Biên tập Báo và PTTT Lâm Đồng	Công chức	01/02/2002	01/02/2003			12/12	Cử nhân Báo chí	CVCC	Cao cấp	Cử nhân	50
29	HVVi Êban	26/6/1981		Ê đê	Không	xã Thuận An, Lâm Đồng	TUV, Phó Chủ tịch UBMTTQVN tỉnh đồng thời là Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	công chức	5/12/2006	5/12/2007			12/12	- Cử nhân Luật học. - Cử nhân Thanh văn.	- CVCC - ANQP: đối tượng 2	Cao cấp	Thạc sĩ	44
30	Trương Minh Quang	15/10/1987		Kinh	Không	phường Mũi Nè, Lâm Đồng	TUV, Phó Chủ tịch UBMTTQVN tỉnh đồng thời là Bí thư Tỉnh đoàn	công chức	01/12/2014	01/12/2015			12/12	- Thạc sĩ Quản lý Kinh tế. - Kỹ sư Công nghệ thông tin.	- CVCC - QPAN: đối tượng 2	Cao cấp	Thạc sĩ	38
31	Nguyễn Văn Thanh	01/9/1967		Kinh	Không	phường Bàn Thạch, Đà Nẵng	TUV, Chánh án Tòa án Nhân dân tỉnh	công chức	14/6/1998	14/6/1999			12/12	Cử nhân Luật	- Lãnh đạo quản lý cấp vụ - QPAN: đối tượng 3	Cao cấp	Thạc sĩ	58
32	Nguyễn Thành Minh	11/12/1973		Kinh	Không	phường Vĩnh Phúc, Phú Thọ	TUV, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	Chuyên viên VKSND TP. Đà Lạt	22/12/1999	22/12/2000			12/12	- Thạc sĩ Luật. - Cử nhân Luật.	- Kiểm sát viên CC - QPAN: đối tượng 2	Cao cấp	Thạc sĩ	52
33	N'Du Ha Biên	20/01/1987		M'Nông	Thiên chúa	xã Đam Rông 3, Lâm Đồng	TUV, Bí thư Đảng ủy xã Đam Rông 2	Cán bộ đoàn	08/01/2013	08/01/2014			12/12	Đại học Lịch sử	- CVCC - QPAN: đối tượng 2	Cao cấp	Đại học	38
34	Đỗ Thái Dương	01/9/1969		Kinh	Không	xã Tân Hải, Lâm Đồng	TUV, Bí thư Đảng ủy đặc khu Phú Quý	công chức	31/01/2000	31/01/2001			12/12	- Thạc sĩ Quản lý hành chính công - Đại học Công nghệ chế biến thủy sản.	- CVCC - QPAN: đối tượng 2	Cao cấp	Thạc sĩ	56
35	Nguyễn Tiến Dũng	18/11/1981		Kinh	Không	Ấp Tùng, Quận	TUV, Bí thư Đảng ủy xã Đa Huoai	Chuyên viên	21/3/2012	21/3/2013			12/12	- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. - Cử nhân Kinh tế.	CVCC	Cao cấp	Thạc sĩ	44

36	Dương Huy Toàn	20/10/1976	Kinh	Không	xã Đan Phượng, Phú Thọ	TUV, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Quảng Trục	Công an	31/12/2003	31/12/2004	12/12	- Thạc sĩ Luật. - Đại học kinh tế kỹ thuật.	- CVCC - QPAN: đối tượng 2	Cao cấp	Thạc sĩ	49
37	K'Thanh	05/9/1968	Ma	Không	xã Quảng Khê, Lâm Đồng	TUV, Bí thư đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Thuận Hạnh	Công chức	05/02/1996	05/02/1997	12/12	Cử nhân Luật học	- CVCC - QPAN: đối tượng 1	Cao cấp	Cử nhân	57
38	Tạ Bộ Phương	25/3/1982	Rắc Lây	Không	xã Quảng Lập, Khánh Hòa	Bí thư Đảng ủy xã Quảng Lập	Bí thư chi đoàn thôn	27/10/2003	27/10/2004	12/12	Đại học Xã hội học	CVC	Cao cấp	Đại học	43
39	H'Xuân	10/5/1981	M'Nông	Không	xã Năm Nung, Lâm Đồng	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Đăk Săk.	Giáo viên	12/11/2008	12/11/2009	12/12	- Thạc sĩ Quản lý công. - Đại học Sư phạm Nguyễn Văn; - Đại học Luật;	- CVCC - QPAN: đối tượng 2	Cao cấp	Thạc sĩ	44
40	Nguyễn Nữ Thanh Loan	30/11/1980	Kinh	Không	xã Sơn Tinh, Quảng Ngãi	Bí thư Đảng ủy xã Tuy Phong	Công chức	10/12/2004	10/12/2005	12/12	- Cử nhân Luật	- CVC. - QPAN đối tượng 3	Cao cấp	Cử nhân	45
41	Mai Minh Nhật	11/11/1983	Kinh	Không	xã Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Bí thư, Chủ tịch Hội đồng Trường ĐH Đà Lạt	Giảng viên	25/07/2012	25/07/2013	12/12	Tiến sĩ Lịch sử	- QPAN đối tượng 2	Cao cấp	Tiến sĩ	42
42	Dung Văn Duy	11/02/1971	Chăm	Bà La Môn	xã Hồng Thái, Lâm Đồng	Phó Hiệu trưởng trường Chính trị tỉnh	Giảng viên	30/7/2000	30/7/2001	12/12	Thạc sĩ Kinh tế học	CVCC	Cao cấp	Thạc sĩ	54
43	Trịnh Thị Tú Anh	17/8/1980	Kinh	Không	xã Vạn Tường, Quảng Ngãi	Đại biểu Quốc hội chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng	Giảng viên	25/5/2015	25/5/2016	12/12	Tiến sĩ Vật lý - Anh	- CVC. - QPAN đối tượng 1	Cao cấp	Tiến sĩ	45
44	Huỳnh Thị Như Ý	10/10/1996	Kinh	Không	xã Hàm Liên, Lâm Đồng	Đảng ủy viên; Phó Chủ tịch Mặt trận - Bí thư đoàn phường Tiến Thành.	Công chức	05/9/2022	05/9/2023	12/12	Cử nhân Xã hội học	Bồi dưỡng quản lý nhà nước: Chuyên viên	Sơ cấp	Đại học	29
45	Phạm Đức Tuyên	27/12/1996	Kinh	Không	phường Kim Trà, Thành phố Huế	Phó Chủ tịch MTTQ, Bí thư đoàn phường Lang Biang	Công chức	27/12/2019	27/12/2020	12/12	Thạc sĩ Quản lý đất đai	CVC	Cao cấp	Thạc sĩ	29
II ĐẠI BIỂU DỰ KHUYẾT															
1	Châu Ngọc Lương	20/01/1986	Kinh	Không	xã Đông Sơn, Quảng Ngãi	TUV, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Công chức	07/7/2011	07/7/2012	12/12	- Thạc sĩ Quản lý công. - Cử nhân Sư phạm Địa lý.	- CVCC - QPAN đối tượng 2	Cao cấp	Thạc sĩ	39

2	Trương Văn Tùng	07/4/1976		Kinh	Không	xã Thăng An, Đã Nẵng	TUV, Phó Chủ tịch UBMTTQVN tỉnh đồng thời là Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh	công chức	19/5/2006	19/5/2007			12/12	- Thạc sĩ Giáo dục và Phát triển cộng đồng. - Cử nhân Ngữ văn	- CVCC - QPAN đối tương 2	Cao cấp	Thạc sĩ	49
3	Lê Ngọc Tiến	08/12/1976		Kinh	Không	xã Hàm Thăng, Lâm Đông	TUV, Giám đốc Sở Xây dựng	công chức	06/5/2009	06/5/2010			12/12	- Thạc sĩ Quản lý xây dựng. - Đại học Kinh tế kỹ thuật	- CVCC - QPAN đối tương 2	Cao cấp	Thạc sĩ	49
4	Nguyễn Thị Thu Hương		24/12/1975	Kinh	Không	phường Đông Sơn, Thanh Hóa	TUV, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Quảng Sơn	Sinh viên	07/6/1997	07/6/1998			12/12	- Thạc sĩ QTKD. - Cử nhân GDTH, - ĐH Luật,	- CVCC - QPAN đối tương 2	Cao cấp	Thạc sĩ	49
5	Nguyễn Thị Toàn Thắng		06/01/1976	Kinh	Không	xã Bắc Bình, Lâm Đông	TUV, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Hàm Liên	Giáo viên	17/01/2001	17/01/2002			12/12	- Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học tiếng anh. - Cử nhân Ngoại ngữ.	- CVCC - QPAN đối tương 2	Cao cấp	Thạc sĩ	49

BÁO CÁO

**TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH CƠ CẤU ĐOÀN ĐẠI BIỂU
DỰ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG**
(Ban hành kèm theo Đề án số 17-ĐA/TU, ngày 12/8/2025
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

		Số lượng	Tỷ lệ %
TT	TỔNG SỐ		
1.	Đại biểu là Ủy viên BCH TW đương nhiệm (khóa XIII) là đại biểu đương nhiên	02	100%
2.	Đại biểu bầu cử		
3.	Đại biểu chỉ định	50	
	- Đại biểu chính thức	45	100%
	- Đại biểu dự khuyết	05	100%
4.	Đại biểu nữ	11/50	22%
5.	Người dân tộc thiểu số	09/50	18%
6.	Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân		
7.	Anh hùng lao động		
8.	Nhà giáo		
	- Nhân dân		
	- Ưu tú		
9.	Thầy thuốc		
	- Nhân dân		
	- Ưu tú		
10.	Nghệ sỹ		
	- Nhân dân		
	- Ưu tú		

11.	Được tặng huy hiệu Đảng		
	- 30 năm tuổi Đảng	04/50	8%
	- 40 năm tuổi Đảng	0	0%
	- 50 năm tuổi Đảng	0	0%
	- 55 năm tuổi Đảng	0	0%
	- 60 năm tuổi Đảng	0	0%
	- 65 năm tuổi Đảng	0	0%
12.	Số đại biểu đã được tặng huân chương	07/50	14%
13.	Số đại biểu dự Đại hội Đảng toàn quốc		
	- Dự đại hội lần đầu		
	- Dự 2 lần đại hội	09/50	18%
	- Dự 3 lần đại hội (gồm 02 đồng chí: 01 đại biểu đương nhiên là đồng chí Bí thư Tỉnh ủy và 1 đồng chí được chỉ định)	01/50	2%
		
14.	Đại biểu theo địa bàn công tác		
	- Xã, phường, đặc khu	15/50	30%
	- Tỉnh, thành phố và tương đương	35/50	70%
	- Đảng bộ trực thuộc Trung ương		
	- Đảng bộ ngoài nước		
15.	Nghề nghiệp hiện tại của đại biểu		
	- Công nhân		
	- Nông dân		
	- Văn nghệ sĩ		
	- Cán bộ, công chức, viên chức	46/50	92%
	- Quân đội	01/50	2%
	- Công an	01/50	2%
	- Ngành nghề khác (Tòa án, Viện Kiểm sát)...	02/50	4%
16.	Độ tuổi		

	- Dưới 30 tuổi	02/50	4%
	- Từ 31 – 40 tuổi	03/50	6%
	- Từ 41 – 50 tuổi	25/50	50%
	- Từ 51 – 60 tuổi	20/50	40%
	- Từ 61 – 70 tuổi	0	
	- Trên 70 tuổi	0	
	- Bình quân	46,5	
17.	Trình độ học vấn		
	- <i>Giáo dục phổ thông</i>	50	100%
	- <i>Chuyên môn nghiệp vụ</i>		
	+ Trung cấp		
	+ Cao đẳng		
	+ Đại học	10/50	20%
	+ Sau đại học		
	- Thạc sỹ	36/50	72%
	- Tiến sỹ	04/50	8%
	- <i>Học hàm</i>		
	+ Giáo sư, phó giáo sư	01/50	2%
	+ Viện sỹ		
18.	Trình độ lý luận chính trị¹		
	- Sơ cấp		
	- Trung cấp		
	- Cử nhân		
	- Cao cấp	50/50	100%
19.	Đào tạo, bồi dưỡng thuộc lĩnh vực		
	- Kinh tế	16/50	32%
	- Hành chính nhà nước	08/50	20%

¹ Chỉ tính đã được cấp bằng, chứng chỉ

	- Chuyên môn KT, nghiệp vụ	23/50	48%
	- Quốc phòng – an ninh	03/50	8%
20.	Thời gian vào Đảng		
	- Trước tháng 8/1945	0	
	- Từ 9/1945 đến tháng 7/1954	0	
	- Từ 8/1954 đến tháng 4/1975	0	
	- Từ 5/1975 đến tháng 12/1986	0	
	- Từ tháng 01/1987 đến nay	50/50	100%
21.	Tham gia cấp ủy Đảng cấp tỉnh		
	- Ủy viên Ban chấp hành Trung ương (khóa XIII) <i>(là 02 Đại biểu đương nhiên)</i>	02	
	- Ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đảng bộ trực thuộc Trung ương, Đảng bộ Quân đội, Đảng bộ Công an Trung ương	42/50	84%
	- Ngoài ra, giữ vị trí trong cấp ủy:		
	+ Bí thư (Đại biểu đương nhiên)	01	
	+ Phó bí thư	06/50	12%
	+ Ủy viên Ban thường vụ	14/50	28%
22.	Tham gia cơ quan Đảng, Nhà nước		
	- Đại biểu Quốc hội khóa XV	02/50	4%
	- Trưởng, phó ban đảng ở Trung ương và tương đương	0	0%
	- Trưởng, phó Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương	0	0%
	- Bộ trưởng, thứ trưởng và tương đương	0	0%
	- Chủ tịch hội đồng dân tộc, chủ nhiệm các ủy ban của Quốc hội, phó chủ tịch hội đồng dân tộc, phó chủ nhiệm ủy ban của Quốc hội và tương đương	0	0%
	- Cán bộ cấp vụ ở cơ quan Trung ương	0	0%

- Sỹ quan trong các lực lượng vũ trang (quân đội, công an)	02/50	4%
- Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân tỉnh	03/50	6%
- Chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh	03/50	6%
- Trưởng, phó các ban, sở, ngành cấp tỉnh	23/50	52%
- Cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể cấp xã	15/50	16%
- Lãnh đạo chủ chốt của doanh nghiệp (<i>Chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc</i>)...	0	0%
- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng (giám đốc, phó giám đốc) học viện, trường đại học, viện nghiên cứu trực thuộc bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	02/50	4%